|  |  |
| --- | --- |
| HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM  **Khoa Kế toán và QTKD**  *---------------------------* | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *--------------------------------------------------------------*  *Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2021* |

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN**

**KHOA KẾ TOÁN VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**GIAI ĐOẠN 2021 - 2026**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-K.KE&QTKD, ngày tháng 6 năm 2021 của* **Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh**)

*-------------------------------------*

**PHẦN 1**

**GIỚI THIỆU CHUNG VỀ ĐƠN VỊ**

**1.1. Tình hình chung của đơn vị**

***1.1.1. Thông tin chung về đơn vị***

Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh (FABM) là một trong những khoa lớn của Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Khoa có bề dầy kinh nghiệm hơn 50 năm thực hiện các nhiệm vụ: Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, kinh doanh nông nghiệp và kế toán doanh nghiệp bao gồm trình độ đại học, thạc sỹ, tiến sỹ và đào tạo ngắn hạn theo yêu cầu của xã hội. Tổ chức và triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học về quản trị kinh doanh, Marketing, quản trị tài chính, kinh doanh nông nghiệp, kế toán doanh nghiệp, kế toán kiểm toán, phục vụ công tác đào tạo và nâng cao năng lực cán bộ giảng dạy. Cung cấp các dịch vụ tư vấn, chuyển giao khoa học và công nghệ trong lĩnh vực kinh doanh, quản trị, quản trị kinh doanh, kế toán doanh nghiệp, quản lý và phát triển du lịch, thương mại điện tử; tài chính ngân hàng, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng và phát triển theo yêu cầu của các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các tổ chức quốc tế, các địa phương và mọi thành phần kinh tế.

Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh được thành lập theo Quyết định số 1728/QĐ-NN1 ngày 27 tháng 11 năm 2007 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp I (nay đổi tên thành Học viện Nông nghiệp Việt Nam).

Ngày đầu mới thành lập theo Quyết định của Nhà trường, Khoa có 04 bộ môn, 39 cán bộ giảng dạy và 01 cán bộ văn phòng. Đến nay, Khoa đã có 05 bộ môn, nguồn nhân lực của Khoa ngày càng tăng cường để đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và nghiên cứu, hiện tại Khoa có 64 cán bộ viên chức trong đó có 60 giáo viên và 04 cán bộ văn phòng. Khoa có 04 PGS. TS; 25 TS; 14 nghiên cứu sinh (06 ở nước ngoài và 08 ở trong nước và được đào tạo tại các nước như: Đức, Bỉ, Pháp, Úc, Hà Lan, Nhật, Philippin, Thái Lan); 01 đang học thạc sĩ tại Ba Lan. Tuy nhiên, so với quy mô đào tạo, vẫn còn thiếu giáo viên nhất là trong đào tạo các môn học mới.

Khoa có 5 bộ môn chuyên môn: Quản trị kinh doanh; Tài chính; Kế toán tài chính; Kế toán quản trị & Kiểm toán; và Marketing. Bên cạnh 5 BM chuyên môn, Khoa còn có Chi hội Kế toán Kiểm toán trực thuộc Hội Kế toán Kiểm toán Việt Nam; Trung tâm Tài nguyên xuất sắc. Hệ thống các chương trình đào tạo của Khoa đầy đủ từ bậc đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Các chương trình đào tạo khá đa dạng đáp ứng nhu cầu của người học: có đào tạo chung và đào tạo chuyên sâu, có đào tạo theo hướng học thuật và hướng ứng dụng; có đào tạo đại học bằng tiếng Việt và tiếng Anh; phối hợp với giáo sư nước ngoài trong đào tạo sau đai học; có đào tạo ngắn hạn và dài hạn; có hệ tập trung và không tập trung.

***1.1.2. Chức năng, nhiệm vụ***

- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao trong các ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh, Quản lý và phát triển du lịch, Tài chính-Ngân hàng, Thương mại điện tử, Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng, Quản trị kinh doanh/Kinh doanh nông nghiệp, và Công nghệ thực phẩm và Kinh doanh ở bậc đại học; các ngành Quản trị kinh doanh, Kế toán, Quản lý du lịch bền vững trình độ thạc sỹ; ngành Quản trị kinh doanh trình độ tiến sỹ; và đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn theo yêu cầu của xã hội.

- Tổ chức và triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học về thể chế, chính sách và môi trường kinh doanh nông sản và thực phẩm; hợp tác, liên kết trong sản xuất kinh doanh nông nghiệp; kinh doanh, thương mại và phát triển bền vững; và các lĩnh vực liên quan khác trong lĩnh vực kinh tế-quản lý; quản trị kinh doanh; kế toán, tài chính-ngân hàng; phát triển du lịch, thương mại điện tử, logistics. Góp phần tư vấn các chính sách, chiến lược kinh doanh-quản lý và phát triển trong khu vực công và tư phục vụ công tác đào tạo và nâng cao năng lực cán bộ giảng dạy;

- Cung cấp các dịch vụ tư vấn, chuyển giao khoa học và công nghệ trong lĩnh vực kinh doanh, quản lý, khởi nghiệp-quản trị kinh doanh, marketing, kế toán doanh nghiệp, tài chính tín dụng, phát triển du lịch, thương mại điện tử, tài chính ngân hàng, logistics... theo yêu cầu của các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các tổ chức quốc tế, các địa phương và các thành phần kinh tế.

**1.2. Đánh giá kết quả thực hiện năm học 2020-2021**

***1.2.1. Về tư tưởng chính trị, công tác đoàn thể của đơn vị***

**-** Mọi cán bộ quản lý, cán bộ giảng dạy và nhân viên trong Khoa chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, các quy chế, qui định của Học viện đề ra.

- Chi Bộ Đảng họp định kỳ và đột xuất để triển khai các Nghị quyết của cấp trên, kiểm điểm và đánh giá từng đảng viên về mọi mặt công tác từ đó đề ra các nghị quyết triển khai thực hiện. Tích cực công tác phát triển Đảng.

- Khoa kết hợp với Chi ủy, Chi bộ để triển khai các kế hoạch hoạt động của Khoa đồng thời thống nhất lãnh đạo theo hướng tập trung dân chủ về mọi mặt hoạt động.

- Công đoàn Khoa đã phát huy tốt vai trò chức năng của mình, chủ động trong các công việc của Học viện và của Khoa. Các hoạt động nổi bật của công đoàn Khoa có thể kể tới đó là: (i) các phong trào tập thể chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam thu hút được đông đảo các thầy cô tham gia vào phong trào văn nghệ của Khoa và của Học viện; (ii) Công đoàn cùng Ban chủ nhiệm Khoa tổ chức cho các công đoàn viên đi tham quan và học tập thực tế tại một số mô hình trang trại tại các tỉnh Miền Bắc; (iii) Các cán bộ nữ cũng tích cực hưởng ứng và tham gia vào các hoạt động phong trào do Học viện tổ chức; (iv) Ban đời sống của Khoa và công đoàn đã tổ chức tốt các hoạt động thăm hỏi, khi cán bộ đau yếu, viếng thăm các gia đình có người thân quá cố; (v) Đôn đốc các phong trào đóng góp ủng hộ chung trong toàn Khoa và Học viện cùng chung tay với đại dịch Covid-19 tại Bắc Giang; (vi) Động viên các cán bộ trong khoa tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn và ngoại ngữ. Giúp đỡ các giáo viên trẻ sớm ổn định và yên tâm công tác.

***1.2.2. Về công tác tổ chức, quản lý và phát triển đơn vị***

- Triển khai và thực hiện tốt các quy định của Ban Giám đốc về công tác giảng dạy, quản lý trong Học viện khi được ban hành.

- Triển khai và thực hiện tốt các quy định nội bộ của Khoa về quản lý, giảng dạy và chức năng của từng chức trách và các bộ phận trong khoa.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng cho đội ngũ giảng viên.

- Đổi mới phương pháp làm việc của Ban Chủ nhịêm khoa, văn phòng, các trợ lý và các bộ môn.

- Tổ chức các khoá bồi dưỡng để đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả, sử dụng phương tiện dạy và học tiên tiến.

***1.2.3. Về cơ sở vật chất và tài chính***

*\* Về cơ sở vật chất:*

- Học viện giao cho Khoa, Bộ môn sử dụng các phòng làm việc từ phòng 417- 428, tầng 4, Nhà hành chính, các phòng làm việc của Khoa, Bộ môn rất khang trang sạch sẽ.

- Tuy nhiên bên cạnh những thuận lợi về cơ sở hạ tầng được Học viện giao, Khoa, Bộ môn vẫn còn thiếu nhiều trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy như máy projecter, máy in, máy tính... nguyên nhân là trong những năm gần đây do có quy định hạn chế đầu tư công nên trang thiết bị đó của Khoa chất lượng rất kém, ảnh hưởng rất nhiều đến công tác thông qua đề cương nghiên cứu, báo cáo tiến độ, bảo vệ khóa luận tốt nghiệp Đại học, bảo vệ luận văn Thạc sĩ, báo cáo TTGT,... của SV, HV cao học.

*\* Về công tác tài chính:*

Khoa luôn sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả nguồn kinh phí hoạt động mà Học viện cấp. Năm học 2020-2021, kinh phí Khoa được Học viện giao khoán cho hoạt động đào tạo là: 1.284.180.500 đồng chi theo đầu mục công việc như sau:

- Kinh phí vật tư văn phòng phẩm, chè nước, công cụ, dụng cụ,... phục vụ đào tạo, phục vụ chuyên môn: 547.079.000 đồng

- Kinh phí khảo sát thực tế của giáo viên các Bộ môn: 339.850.000 đồng

- Chi phí mua sắm sửa chữa nhỏ, sửa chữa thiết bị máy văn phòng, phương tiện các loại là 273.101.000 đồng

- Tiền điện, điện thoại, bưu phí,...: 68.286.000 đồng

- Quản lý đào tạo Sau đại học: 55.700.000 đồng

***1.2.4. Thành tích đạt được***

*\* Đào tạo Đại học:*

- Tổng số sinh viên đang theo học tại Khoa là 3.412 sinh viên, trong đó có 1.309 sinh viên Khóa 65, 794 sinh viên khoá 64, khoá 63 là 782 sinh viên, khoá 62 là 429 sinh viên và còn lại là sinh viên khoá cũ.

- Các ngành đang đào tạo: Kế toán, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh nông nghiệp, Thương mại điện tử, Tài chính ngân hàng, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Quản trị kinh doanh nông nghiệp (CTTT), Quản lý và phát triển du lịch.

- Triển khai kiểm định AUN về Chương trình đào tạo ngành Kế toán.

- Số sinh viên đi thực tập giáo trình HK 2 năm hoc 2020-2021 là 825 sinh viên (trong đó có 25 sinh viên chương trình tiên tiến).

- Số sinh viên đạt học bổng khuyến khích học tập học kỳ 2 năm học 2020-2021 là 266 sinh viên.

- Tỷ lệ có việc làm của sinh viên mới tốt nghiệp khá cao: 98.28% đối với ngành Kế toán, 99.1% đối với ngành QTKD, 100% đối với ngành KDNN, 97.96% đối với ngành QTKDNN tiên tiến.

- Thu hút được sinh viên quốc tế tham gia học tập theo CTĐT tại khoa, tăng cường trao đổi sinh viên quốc tế.

*\* Đào tạo Sau Đại học:*

Sau 03 năm tuyển sinh trình độ Tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh, tính đến thời điểm hiện tại, Khoa hiện có 07 nghiên cứu sinh. Các nghiên cứu sinh đã được phân công sinh hoạt tại các Bộ môn phụ trách và đang đảm bảo đúng tiến độ nghiên cứu.

Năm 2020, Khoa tiếp tục tuyển sinh trình độ thạc sĩ đối với 3 ngành là Quản trị kinh doanh, Kế toán và Quản lý du lịch bền vững. Tổng số học viên năm 2020 là 63, tuy có tăng so với năm 2019, nhưng nhìn chung chưa đạt chỉ tiêu chung của Khoa, trong đó ngành Quản lý du lịch bền vững còn gặp khó khăn trong việc tuyển sinh.

Do gặp khó khăn trong việc tuyển sinh trình độ Sau đại học, để phù hợp với xu thế chung của xã hội, Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh đang tiếp tục xây dựng ngành đào tạo mới là ngành thạc sĩ Quản lý công. Tổ soạn thảo chương trình đang gấp rút hoàn thiện đề án để hoàn thành mục tiêu là trong năm 2021, hoặc đầu 2022 Khoa có thể thực hiện tuyển sinh khóa đầu tiên.

Đối với các ngành đào tạo cao học truyền thống, Khoa đang thực hiện quản lý tốt chương trình đào tạo, tổ chức bảo vệ 03 lần/năm với tổng số học viên được bảo vệ trong năm 2020 là 60 học viên, chất lượng luận văn được cải thiện, không có luận văn nào không đạt yêu cầu.

*\* Nghiên cứu khoa học:*

- Năm 2020, dịch Covid đã gây ra những ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên. Tuy nhiên toàn Khoa vẫn đang triển khai thực hiện và tham gia rất nhiều đề tài nghiên cứu khoa học và dự án các cấp khác nhau. Tháng 12, Khoa thực hiện nghiệm thu 09 đề tài nghiên cứu cấp Học viện cho giảng viên và 07 đề tài cho sinh viên.

- Bên cạnh đó, năm 2020 Khoa được giao chủ trì rất nhiều dự án mang tầm vóc lớn như “*Dự báo nhu cầu nhân lực cần đạo tạo trình độ đại học các ngành thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn phục vụ thực hiện cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên”*đề tài do Bộ NN&PTNT đặt hàng được thực hiện trong năm 2020; Đề án “*Cơ sở khoa khọc và thực tiễn phát triển nông nghiệp bền vững, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân thành phố Hà Nội năm 2030, tầm nhìn 2045*” phối hợp cùng Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Nội cùng thực hiện. Ngoài ra, đề tài cấp tỉnh (Sơn La), đề tài NAFOSTED do các cán bộ Khoa chủ trì thực hiện năm 2020, và còn nhiều đề tài dự án của cấp nhà nước đang được các nhóm nghiên cứu của Khoa *tham gia* triển khai và thực hiện trong năm 2020 ở cả 3 miền trên khắp cả nước.

- Tổng số bài báo trong nước và quốc tế là 30 bài, trong đó có 14 bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế, 16 bài báo đăng trên các tạp chí trong nước. Tháng 12, Khoa được xuất bản riêng 1 số của Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam gồm 09 bài báo bằng Tiếng Anh.

- Khoa đã liên kết với Liên minh Hợp tác xã để xuất bản 4 đầu sách giáo trình phục vụ đào tạo cho Liên minh, các sách giáo trình đang trong quá trình thẩm định và tiến tới đưa vào sử dụng đào tạo ở giai đoạn sau.

- Năm 2020, bên cạnh Nhóm nghiên cứu mạnh *“Thể chế chính sách và kinh doanh nông nghiệp và thực phẩm”* luôn đảm bảo được số lượng các công trình nghiên cứu, các bài báo khoa học; Khoa thành lập thêm 1 nhóm nghiên cứu mạnh *“Hợp tác, liên kết trong sản xuất kinh doanh nông nghiệp”* cũng đang hoạt động rất hiệu quả với số lượng các đề tài nhóm tham gia và số lượng bài báo thực sự chất lượng. Bên cạnh đó, giảng viên trong Khoa cũng tham gia vào các nhóm nghiên cứu xuất sắc, của Học viện và cũng có được những đóng góp và thành quả nổi bật.

- Tăng cường liên kết với các địa phương trong thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học.

**1.3. Thống kê so sánh qua các giai đoạn 2011-2016; 2016-2021**

Nhìn chung, giai đoạn 2016-2021 so với giai đoạn 2011-2016, Khoa đã có sự tăng trưởng mạnh cả về lượng và về chất trên tất cả các mặt như nguồn nhân lực, đào tạo đại học, đào tạo sau đại học, nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất, tài chính, thi đua khen thưởng. Duy chỉ có đào tạo trình độ Thạc sỹ, mặc dù có xây dựng thêm ngành học mới, nhưng số lượng người học có phần sụt giảm do nhu cầu xã hội và do có sự tham gia của nhiều đại học địa phương mới thành lập và đại học dân lập. Kết quả cụ thể được thể hiện ở bảng dưới đây:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Giai đoạn 2011-2016** | **Giai đoạn 2016-2021** |
| Nhân lực | Khoa có 72 cán bộ viên chức, trong đó có 69 giáo viên ở 05 bộ môn và 03 cán bộ Văn phòng. Trong đó có 05 PGS; 12 TS; 39 ThS và 13 cử nhân, trong đó có 13 cán bộ đang làmNCS ở nước ngoài và có 07 cán bộ đang học thạc sỹ. | Khoa có 64 cán bộ viên chức trong đó có 60 giáo viên và 04 cán bộ văn phòng. Khoa có 04 PGS.TS; 25 TS; 14 nghiên cứu sinh, còn lại là Thạc sỹ. |
| Đào tạo Đại học | - Năm học 2011-2012, Khoa quản lý 34 lớp đại học chính qui có tổng số 2.738 sinh viên, 04 lớp VLVH tại trường có tổng số 242 SV, 1558 SV lớp hệ VHVL.  - Năm học 2012-2013, Khoa có 672 SV TN ra trường.  - Năm học 2013-2014, có: 3.868 SV (45 lớp); hệ vừa làm vừa học tại trường là 169 SV (3 lớp); và 236 SV lớp hệ VLVH.  - Năm học 2014-2015, Khoa là 3.734 SV.  - Năm học 2015-2016, Khoa có 3.382 SV. | - Năm học 2016-2017, Khoa có 3.382 SV và 467 SV TN ra trường.  - Năm học 2017-2018, Khoa là 3.029 SV và có 457 SV TN ra trường.  - Năm học 2018-2019, Khoa đã kiểm định thành công chương trình Quản trị kinh doanh nông nghiệp AUN – QA. Khoa có 2560 SV, trong năm có 822 SV TN ra trường.  - Năm học 2019-2020 số SV là 3640 SV; Triển khai kiểm định thử AUN về Chương trình đào tạo ngành Kế toán.  - Năm học 2020-2021, Khoa là 3412 SV. |
| Đào tạo Sau Đại học | - Năm học 2011-2012, Khoa có 455 học viên tham gia Khoá học QTKD.  - Năm học 2012-2013, có 382 HV.  - Năm học 2013-2014, có 528 HV, trong đó có 227 HV bảo vệ thành công.  - Năm 2014-2015, đang học là 258 học viên (khóa 23, 24 25). Từ tháng 12/2015, Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh được giao quyết định đào tạo chuyên ngành mới là thạc sĩ Kế toán và đã tuyển sinh khóa đầu tiên đợt 1 năm 2016. Chuyên ngành thạc sĩ Kế toán theo định hướng ứng dụng đã tuyển sinh được 2 lớp, số lượng học viên đã trúng tuyển là 73 người. | - Năm học 2016-2017, Khoa có 258 học viên. Và mở chuyên ngành mởi Thạc sĩ Kế toán tuyển được 73 HV.  - Năm học 2017-2018, Khoa có 270 HV.  - Năm 2018-2019, Khoa có 314 học viên. Số đã bảo vệ thành công 144 HV.  - Năm học 2019-2020, tổng số lượng HV năm 2020 là 63.  - Năm 2020-2021, Sau 03 năm tuyển sinh trình độ Tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh, tính đến thời điểm hiện tại, Khoa hiện có 07 NCS. Các NCS đã được phân công sinh hoạt tại các Bộ môn phụ trách và đang đảm bảo đúng tiến độ nghiên cứu. Tổng số lượng học viên CH năm 2020 là 63 học viên. |
| NCKH | - Năm học 2011-2012, Thực hiện 2 đề tài Việt - Bỉ với trung tâm liên ngành  - Năm học 2012-2013, có đề tài NCKH các cấp mới đã đăng ký thành công: 11 đề tài (trong đó có 5 đề tài với kinh phí từ NSNN và 6 đề tài kinh phí tự túc), 19 đề tài SVNCKH. Bài báo trong nước và quốc tế: 24 bài.  - Năm học 2013-2014, có 22 đề tài cấp Bộ và trường; 32 bài báo quốc tế và trong nước; tổ chức 02 hội thảo.  - Năm học 2015-2016, có 19 đề tài cấp Bộ và trường; 23 bài báo quốc tế và trong nước; tổ chức 02 hội thảo. | - Năm học 2016-2017, có 9 đề tài cấp bộ và trường; có 58 bài báo quốc tế và trong nước; tổ chức 01 hội thảo.  - Năm học 2017-2018, có 13 đề tài cấp bộ và trường; có 34 bài báo quốc tế và trong nước; tổ chức 01 hội thảo; 04 sách giáo trình và tham khảo.  - Năm học 2018-2019, có 25 đề tài cấp bộ và trường; có 41 bài báo QT và trong nước; 02 giáo trình và sách tham khảo.  - Năm 2019-2020, Khoa đã nghiệm thu 09 đề tài KH cấp Học viện và 01 đề tài cấp tỉnh cho giảng viên và 07 đề tài cho SV. Có 30 bài, trong đó có 14 bài báo QT, 16 bài báo trong nước. Tháng 12, Khoa được xuất bản riêng 1 số tiếng Anh của Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam gồm 09 bài báo.  - Năm 2020-2021, Khoa có 09 đề tài NCKH cấp Học viện cho giảng viên và 07 đề tài cho SV; có 30 bài báo quốc tế và trong nước; Khoa được xuất bản riêng 1 số của Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam; Khoa đã liên kết với Liên minh HTX để xuất bản 4 giáo trình phục vụ đào tạo cho Liên minh. |
| Cơ sở vật chất | Học viện giao cho Khoa, Bộ môn sử dụng các phòng làm việc từ phòng 417- 428, tầng 4, Nhà hành chính nên các phòng làm việc của Khoa, Bộ môn khang trang sạch sẽ. | Học viện giao cho Khoa, Bộ môn sử dụng các phòng làm việc từ phòng 417-428, tầng 4, Nhà hành chính, các phòng làm việc của toàn Khoa rất khang trang sạch sẽ. |
| Tài chính | Giai đoạn này nguồn kinh phí Học viện cấp cho hoạt động của Khoa khoảng 500 đến 700 triệu đồng | - Năm 2017-2018, kinh phí dành cho hoạt động đào tạo khoa được Học viện giao cho là 1.009.036.000 đồng  - Năm 2018-2019, kinh phí dành cho hoạt động đào tạo khoa được Học viện giao cho là 1.154.204.000 đồng  - Năm 2019-2020: Năm 2020, kinh phí dành cho hoạt động đào tạo khoa được Học viện giao cho là 1.284.707 đồng  - Năm học 2020-2021, kinh phí khoa được Học việngiao khoán cho hoạt động đào tạo là: 1.284.180.500 đồng |
| Thi đua khen thưởng | - Năm học 2012-2013, đạt tập thể lao động tiên tiến  - Năm học 2013-2014, 100% cán bộ viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có 64 CBVC đạt danh hiệu Lao động tiên tiến. Có 15 Thày Cô đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở. Tập thể khoa và 05 bộ môn đạt danh hiệu *“ Tập thể lao động Tiên tiến”.*  - Năm học 2014-2015, 100% cán bộ viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có 61 CBVC đạt danh hiệu Lao động tiên tiến. Có 10 Thày Cô đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở. 05 bộ môn đạt danh hiệu *“ Tập thể lao động Tiên tiến”*; 01 cô được tặng bằng khen của Bộ trưởng BNN & PTNT giai đoạn 2010-2014; 02 thầy cô được tặng bằng khen của Bộ trưởng BNN& PTNT; 01 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 01 Nhà giáo ưu tú.  - Năm học 2015-2016, 100% cán bộ viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có 66 CBVC đạt danh hiệu Lao động tiên tiến. Có 10 CBVC đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở. 05 bộ môn đạt danh hiệu *“ Tập thể lao động Tiên tiến”*. | - Năm học 2016-2017, 100% cán bộ viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có 66 CBVC đạt danh hiệu Lao động tiên tiến. Có 10 CBVC đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở. 05 bộ môn đạt danh hiệu *“ Tập thể lao động Tiên tiến”*.  - Năm 2017-2018, 100% CBVC hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có 55 CBVC đạt danh hiệu Lao động tiên tiến. Có 11 CBVC đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở. 05 bộ môn đạt danh hiệu *“ Tập thể lao động Tiên tiến” và tập thể Khoa đạt danh hiệu “ Tập thể lao động Xuất sắc”*.  - Năm học 2018-2019, 100% CBVC hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có 43 CBVC đạt danh hiệu Lao động tiên tiến đạt tỷ lệ 100%. Có 11 CBVC đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở chiếm tỷ lệ 55,35%. Ngoài các thành tích trên, khoa có 01 thầy được Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục.  - Năm học 2019-2020, 100% cán bộ viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có 57 cán bộ viên chức đạt danh hiệu Lao động tiên tiến. Có 09 Thầy Cô đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở. 04 bộ môn đạt danh hiệu *“ Tập thể lao động tiên tiến”.* |

**PHẦN 2**

**MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2026**

* 1. **Mục tiêu chiến lược phát triển Khoa**

*\* Sứ mạng:*

(i) Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực Kế toán, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh nông nghiệp, Quản lý và Phát triển du lịch, Thương mại điện tử; Tài chính ngân hàng, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng;

(ii) Tổ chức và triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học về Thể chế chính sách, kinh doanh nông nghiệp và thực phẩm; Hợp tác, liên kết trong sản xuất kinh doanh nông nghiệp; Kinh doanh, thương mại và phát triển bền vững; và các lĩnh vực liên quan đến Quản trị kinh doanh, Marketing, Quản trị tài chính, Kế toán, Kế toán kiểm toán, du lịch, thương mại điện tử, tài chính ngân hàng, Logistics; Hợp tác với các nhà khoa học quốc gia và quốc tế thực hiện các NCKH chuyên sâu về kinh doanh nông nghiệp và phát triển nông thôn;

(iii) Cung cấp các dịch vụ tư vấn, huấn luyện, chuyển giao tri thức và công nghệ trong lĩnh vực Kinh doanh, Quản trị, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Kiểm toán, quản lý và phát triển du lịch, thương mại điện tử; tài chính ngân hàng, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng theo yêu cầu của xã hội.

*\* Tầm nhìn:*

Đến năm 2030, Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh trở thành đơn vị đào tạo và nghiên cứu khoa học hàng đầu Việt Nam và ngang tầm khu vực, cung cấp nguồn nhân lực xuất sắc, góp phần quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội, công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

*\* Giá trị cốt lõi:*

Giá trị cho người học, người sử dụng dịch vụ tư vấn là “Tiên tiến và chia sẻ”; Giá trị cho giảng viên và nhân viên là “Hợp tác và Chia sẻ”; Giá trị cho sự hợp tác với các đơn vị trong và ngoài Học viện là “Chia sẻ và cùng có lợi”; Giá trị mang lại cho các bên liên quan và môi trường sống “Thân thiện”. 

*\* Mục tiêu chiến lược:*

Vận dụng sáng tạo và linh hoạt chiến lược phát triển chung của Học viện, trên cơ sở phát huy thế mạnh của Khoa, tranh thủ sự giúp đỡ của lãnh đạo Học viện, sự phối hợp và tư vấn của các ban, các khoa và các đơn vị bạn trong Học viện; củng cố và phát triển các hướng chuyên môn của Khoa để xây dựng các chương trình đào tạo mới ở các bậc học phù hợp với nhu cầu xã hội; nâng cao chất lượng đào tạo hướng tới chuẩn quốc gia và khu vực, nhằm đáp ứng nhu cầu của người học, người sử dụng lao động, người sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học; nâng cao năng lực chuyên môn và đời sống vật chất tinh thần của cán bộ nhân viên trong Khoa.

* 1. **Bối cảnh (quốc tế, trong nước, Học viện)**
* Quá trình hội nhập quốc tế đang diễn ra ngày càng sâu, rộng.
* Tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống xã hội, đến công tác giảng dạy, học tập và NCKH của cán bộ giảng viên và sinh viên trong Học viện.
* Học viện đang trong lộ trình phấn đấu đến năm 2030 trở thành Đại học nghiên cứu/ Đại học đa ngành.
  1. **Cơ sở pháp lý xây dựng chiến lược đơn vị**

Căn cứ vào Chiến lược phát triển chung của Học viện Nông nghiệp Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn năm 2050, ban hành ngày 24 tháng 12 năm 2015.

Căn cứ vào nguồn lực của Khoa và nhu cầu tạo tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao tiến bộ KHKT của xã hội.

* 1. **Dự báo nhu cầu**

Tăng trưởng kinh tế kéo theo nhu cầu về sản phẩm và dịch vụ tăng, đặc biệt là dịch vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu sử dụng nhân lực trong các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các cơ quan quản lý nhà nước về các lĩnh vực kinh doanh. Hơn nữa, những ngành công nghiệp mới nổi, xu hướng tiêu dùng thay đổi chính là điểm nhấn trong dự báo nhu cầu nhân lực, sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực kế toán và quản trị kinh doanh trong những năm tới tiếp tục tăng với tốc độ tăng hàng năm từ 5-10%.

**2.5. Những thuận lợi, khó khăn của đơn vị**

*\* Thuận lợi*

- Nguồn nhân lực của Khoa ngày càng vững mạnh, đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và nghiên cứu.

- Tập thể lãnh đạo, quản lý của Khoa và toàn thể giảng viên và nhân viên trong Khoa đoàn kết nhất trí, tạo ra sức mạnh có ý nghĩa quyết định. Các công việc Khoa luôn được phối hợp giải quyết trên tinh thần dân chủ, giúp đỡ mang tính xây dựng để cùng tiến bộ. Các thành viên được tạo điều kiện tốt nhất để phát triển chuyên môn và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Học viện có cơ chế tự chủ và đã có chiến lược phát triển chung của Học viện; Có sự quan tâm và chỉ đạo sâu sát của Ban lãnh đạo Học viện.

- Hệ thống các chương trình đào tạo từ bậc đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ngày càng được củng cố và phát triển liên tục; Các chương trình đào tạo đại học khá đa dạng theo hướng đào tạo chung và chuyên sâu; Có đào tạo đại trà và tiên tiến; có đào tạo ngắn hạn và dài hạn; có hệ tập trung và không tập trung.

- Đã hình thành 03 nhóm nghiên cứu mạnh đủ năng lực tìm kiếm, tổ chức thực hiện thành công các đề tài, công bố các kết quả nghiên cứu ở các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước.

- Bước đầu Khoa đã hình thành và duy trì được các quan hệ trong giảng dạy và nghiên cứu với các cá nhân, đơn vị, tổ chức ở cấp Trung ương và các địa phương và ở ngoài nước.

- Khoa có lịch sử lâu dài và truyền thống tốt đẹp, các thế hệ thày cô trong Khoa luôn chú ý dựng xây và phát triển các mối quan hệ gắn bó không chỉ trong Khoa, các khoa trong Học viện mà còn mối quan hệ rộng khắp, thân tình với các tổ chức, cá nhân và nhiều thế hệ học trò trong lịch sử vẻ vang của mình.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật của Khoa ngày một tăng cường. Trong năm học vừa qua, Khoa đã triển khai một số nội dung để tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật: kiểm kê lại tài sản và phân cấp quản lý tài sản giữa Khoa và các bộ môn.

*-* Học viện có cơ chế tự chủ và đã có chiến lược phát triển chung của Học viện; Có sự quan tâm và chỉ đạo sâu sát của Ban lãnh đạo Học viện; Có sự tư vấn và phối hợp ngày càng hiệu quả hơn của các Ban chức năng và các khoa trong Học viện;

- Nhu cầu của người học, của tổ chức sử dụng lao động đối với lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học của khoa rất lớn trong các tổ chức, các doanh nghiệp trong nước và cả ở khu vực và trên thế giới.

*\* Khó khăn, thách thức*

- Đội ngũ giảng viên cơ hữu không đồng đều về trình độ giữa các bộ môn trong khoa khoa và trong từng bộ môn, về lứa tuổi: có 5 PGS, thì 01 thầy mới nghỉ hưu, 01 thầy chuẩn bị hết tuổi quản lý, số cán bộ trẻ chiếm phần lớn, lại đang đi học hoặc vừa tốt nghiệp còn thiếu kinh nghiệm, chưa hòa nhập tốt vào môi trường giảng dạy và nghiên cứu ở Việt Nam.

- Cán bộ giảng dạy phải thực hiện đồng thời các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, tư vấn tuyển sinh và nhiệm vụ sự vụ khác; trong đó nhiệm vụ giảng dạy có kế hoạch và tổ chức khá chặt chẽ trong khi nhiệm vụ nghiên cứu khoa học có tính linh hoạt, đòi hỏi mỗi cá nhân phải có tính chủ động, tự giác. Trong điều kiện đó có một số chưa thích ứng yêu cầu và nhiệm vụ mới về nghiên cứu khoa học. Điều này dẫn tới sự mâu thuẫn giữa khối lượng công việc được giao nhiều nên các hoạt động đôi khi chồng chéo nên hạn chế đến kết quả của công việc. Cụ thể, cán bộ giáo viên có ít thời gian để học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ. Mặt khác, do số lượng môn học nhiều và đặc biệt là chương trình mới, môn học mới nên công tác giáo trình, bài giảng phần nào còn hạn chế.

- Có khó khăn chung về cơ sở vật chất cho giảng dạy và nghiên cứu, nhất là điều kiện cho thực hành, như phòng máy tính, địa điểm thực tập. Không gian làm việc cho cán bộ và các Bộ môn còn chật hẹp

- Cạnh tranh trong đào tạo và nghiên cứu giữa các đơn vị, tổ chức trong và ngoài Học viện về thu hút người học và nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học hạn hẹp;

- Yêu cầu sản phẩm khoa học công bố bài báo quốc tế đòi hỏi tính học thuật cao, trong khi nghiên cứu trong nước lại đòi hỏi giải quyết vấn đề cụ thể của thực tế và thủ tục hành chính trong nghiên cứu khoa học còn rất phức tạp;

- Chất lượng đầu vào của người học còn chưa cao ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo giữa các đối tượng học khác nhau.

- Nguy cơ về sự suy giảm về quy mô đào tạo làm ảnh hưởng trực tiếp đến số giờ giảng dạy. Sau đó là áp lực khắt khe của xã hôi, người học, nhà tuyển dụng đòi hỏi hỏi Khoa cần đổi mới đào tạo theo hướng ứng dụng - tăng cường thực hành và gắn với thực tế ngày càng tăng, dẫn đến việc đổi mới chương trình và bài giảng cấp thiết hơn, yêu cầu phải đầu tư cơ sở vật chất đồng bộ và sự nhanh nhạy tiếp cận thực tế của đội ngũ cán bộ;

- Công tác tuyển sinh cao học, đấu thầu cạnh tranh đề tài các cấp (Quốc gia, Bộ, Tỉnh...) còn gặp nhiều khó khăn.

* 1. **Mục tiêu và các chỉ số cụ thể**

1. Công tác tổ chức, quản lý, nhân sự (chiến lược về tổ chức, quy hoạch nhân sự, đào tạo bồi dưỡng, thi đua, khen thưởng…).

Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý cấp Khoa và Bộ môn, đảm bảo các cán bộ quản lý đủ năng lực theo quy định của Học viện, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Trong giai đoạn 2021-2023, hình thành 01 Bộ môn mới theo đúng tinh thần Nghị quyết của Chi bộ Khoa.

100%cán bộ cơ hữu đã được tuyển dụng đủ năng lực giảng dạy và nghiên cứu với chất lượng ngày càng cao hơn.

Tăng số lượng cơ hữu có học hàm, học vị cao hơn, nhất là học hàm PGS phấn đấu hàng năm có 1-2 người.

Kết quả thi đua, khen thưởng các cấp trong giai đoạn cao hơn giai đoạn trước.

1. Công tác đào tạo (công tác tuyển sinh, mở ngành, việc làm sinh viên, đổi mới trong quản lý dạy và học, đào tạo ngắn hạn...).

- Duy trì cân đối giữa và sự phát triển của các chương trình đào tạo và đảm bảo đủ chỉ tiêu tuyển sinh cả đại học và sau đại học.

- Chỉ tiêu tuyển sinh cụ thể:

| **TT** | **Thời gian** | **NCS và học viên** (người) | | **Đại học** (người) | | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu tuyển sinh** | **Số nhập học** | **Chỉ tiêu tuyển sinh** | **Số nhập học** |
|  | 2021-2022 | 60 | 70 | 650 | 750 |  |
|  | 2022-2023 | 70 | 75 | 700 | 800 |  |
|  | 2023-2024 | 80 | 85 | 750 | 800 |  |
|  | 2024-2025 | 85 | 90 | 800 | 850 |  |
|  | 2025-2026 | 90 | 95 | 850 | 900 |  |
|  | **Tổng số** | 385 | 415 | 3750 | 4100 |  |

- Công tác mở ngành: Duy trì các ngành ở bậc đại học; mở thêm ít nhất 01 ngành ở bậc cao học (dự kiến là ngành Quản lý công); định hướng mở thêm 01 ngành ở bậc tiến sỹ (dự kiến là ngành Kế toán).

- Hoàn thành kiểm định AUN chương trình đào tạo ngành Kế toán

- Đảm bảo ít nhất 90% sinh viên tìm được việc làm sau 6 tháng tốt nghiệp

- Nâng cao chất lượng công tác giảng dạy góp phần thực hiện như cam kết trong chuẩn đầu ra, đáp ứng đòi hỏi của xã hội, người học và nhà tuyển dụng.

1. Công tác NCKH (đề tài NCKH, hợp đồng NCKH, chuyển giao, số bài báo trong nước, quốc tế, sách phục vụ đào tạo...)

- 100% giảng viên hoàn thành và hoàn thành vượt định mức khoa học;

- Ngoài các bài báo đăng trong các tạp chí chuyên ngành ở trong nước, phấn đấu hàng năm mỗi bộ môn có từ 2-3 bài báo đăng ở tạp chí khu vực và quốc tế.

- Phấn đấu hàng năm mỗi bộ môn có 2-3 đề tài nghiên cứu khoa học các cấp khác nhau; 1- 2 hoạt động tư vấn, chuyển giao kiến thức, kỹ năng cho các tổ chức, hoặc các địa phương.

- Đề tài, dự án

| **TT** | **Thời gian** | **Số lượng** (đề tài, dự án) | **Tổng kinh phí**  (tr.đồng) | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | 2021-2022 | 3 | 900 |  |
|  | 2022-2023 | 3 | 1100 |  |
|  | 2023-2024 | 4 | 1200 |  |
|  | 2024-2025 | 4 | 1250 |  |
|  | 2025-2026 | 5 | 1500 |  |
|  | **Tổng** | **19** | **5950** |  |

- Bài báo khoa học được công bố*(chỉ tính các tạp chí có mã số ISSN)*

| **TT** | **Thời gian** | **Trong nước**  (bài) | **Quốc tế**  (bài) | **Trong đó số bài có trong danh mục SCI/ SCIE/ SSCI/ A&HCI/ ISI/ SCOPUS, IF... (bài)** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | 2021-2022 | 25 | 8 | 3 |  |
|  | 2022-2023 | 28 | 9 | 4 |  |
|  | 2023-2024 | 30 | 10 | 5 |  |
|  | 2024-2025 | 33 | 11 | 5 |  |
|  | 2025-2026 | 35 | 12 | 5 |  |

- Báo cáo tại hội nghị, hội thảo*(chỉ tính các bài toàn văn đăng trên Kỷ yếu có ISBN)*

| **TT** | **Thời gian** | **Trong nước** (báo cáo) | **Quốc tế** (báo cáo) | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | 2021-2022 | 10 | 3 |  |
|  | 2022-2023 | 12 | 4 |  |
|  | 2023-2024 | 13 | 5 |  |
|  | 2024-2025 | 15 | 5 |  |
|  | 2025-2026 | 16 | 5 |  |
|  | **Tổng số** | 64 | 22 |  |

- Sách phục vụ đào tạo*(chỉ tính sách có mã số chuẩn quốc tế ISBN)*

| **TT** | **Thời gian** | **Trong nước**  (quyển) | **Quốc tế**  (quyển) | **Quốc tế trong đó có trên website amazon.com** (quyển) | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chuyên khảo** | | | | | |
|  | 2021-2022 | 1 | - |  |  |
|  | 2022-2023 | 2 | 1 |  |  |
|  | 2023-2024 | 1 | - |  |  |
|  | 2024-2025 | 2 | 1 |  |  |
|  | 2025-2026 | 1 | - |  |  |
| **Giáo trình** | | | | | |
|  | 2021-2022 | 3 | - |  |  |
|  | 2022-2023 | 4 | - |  |  |
|  | 2023-2024 | 4 | - |  |  |
|  | 2024-2025 | 5 | - |  |  |
|  | 2025-2026 | 5 | - |  |  |
| **Tham khảo** | | | | | |
|  | 2021-2022 | 3 | 1 |  |  |
|  | 2022-2023 | 3 | - |  |  |
|  | 2023-2024 | 3 | 1 |  |  |
|  | 2024-2025 | 3 | - |  |  |
|  | 2025-2026 | 3 | 1 |  |  |
| **Hướng dẫn** | | | | | |
|  | 2021-2022 | - | - |  |  |
|  | 2022-2023 | - | - |  |  |
|  | 2023-2024 | - | - |  |  |
|  | 2024-2025 | - | - |  |  |
|  | 2025-2026 | - | - |  |  |
|  | **Tổng số** | 43 | 5 |  |  |

Ghi chú: Khoa đã liên kết với Liên minh HTX Việt Nam xuất bản 4 giáo trình phục vụ đào tạo cho Liên minh, các sách giáo trình đang trong quá trình thẩm định và tiến tới đưa vào sử dụng đào tạo trong giai đoạn 2021 – 2026.

- Phát minh, sáng chế, tiến bộ kỹ thuật, tư vấn chính sách của đơn vị...

| **TT** | **Thời gian** | **Số lượng** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | 2021-2022 | 5 |  |
|  | 2022-2023 | 6 |  |
|  | 2023-2024 | 7 |  |
|  | 2024-2025 | 8 |  |
|  | 2025-2026 | 9 |  |
|  | **Tổng số** | 35 | Tư vấn chính sách |

1. Công tác hợp tác trong và ngoài nước (các MOU, đề tài HTQT, trao đổi sinh viên, Hội thảo quốc tế …)

Tăng cường hợp tác và liên kết với các tổ chức trong và ngoài nước về các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về đào tạo, NCKH và công bố quốc tế.

Đẩy mạnh thực hiện các chương trình trao đổi sinh viên với các đối tác nước ngoài (Hoa Kỳ, Châu Âu, Australia, New Zealand, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đông Nam Á,…).

Xây dựng các chương trình liên kết đào tạo đại học (3+1; 2+2,…) với các trường đại học và cơ sở giáo dục – đào tạo nước ngoài.

- Hợp tác trong và ngoài nước

| **TT** | **Thời gian** | **Số người đi nước ngoài và số lượt người nước ngoài đến HV do đơn vị tạo nguồn** | | **Số SV đi nước ngoài và số SV nước ngoài đến HV do đơn vị tạo nguồn** | | **Số địa phương đơn vị có liên kết** | **Số DN, đơn vị có liên kết**[[1]](#footnote-1) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Đi | Đến | Đi | Đến |
| 1 | 2021-2022 | 5 | 15 | 3 | 7 | 6 | 10 |
| 2 | 2022-2023 | 7 | 20 | 3 | 8 | 8 | 10 |
| 3 | 2023-2024 | 8 | 20 | 4 | 8 | 10 | 12 |
| 4 | 2024-2025 | 8 | 20 | 4 | 9 | 10 | 13 |
| 5 | 2025-2026 | 10 | 20 | 5 | 10 | 12 | 15 |
|  | **Tổng** | 38 | 95 | 19 | 42 | 46 | 60 |

1. Công tác phát triển CSVC và tài chính (thu nhập từ công tác tự chủ, nguồn thu của CBVC và người lao động, đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất ….)

Phân công và phối hợp công việc tốt giữa các giảng viên trong các hoạt động giảng dạy, hướng dẫn, nghiên cứu, tư vấn, chuyển giao... đảm bảo thu nhập ngày càng tăng, giúp mọi thành viên trong khoa yên tâm công tác và cống hiến dựa trên thế mạnh của từng thành viên.

Trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ và điều kiện làm việc ngày một tốt hơn; Khai thác các nguồn và sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí kinh phí để đảm bảo các hoạt động của Khoa ổn định và phát triển.

1. Các công tác đoàn thể, quản lý sinh viên

Công đoàn Khoa tham gia ít nhất một nội dung trong các cuộc thi/ các hoạt động mà Công đoàn Học viện phát động; Phấn đấu 100% công đoàn viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đối với hoạt động công đoàn.

Tăng cường công tác tư vấn, hỗ trợ sinh viên trong học tập và rèn luyện.

1. Các công tác khác

CBVC bên cạnh hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn, chấp hành tốt nội qui qui định, văn hóa công sở; thực sự là tấm gương cho học viên và sinh viên.

**PHẦN 3**

**GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

Để thực hiện kế hoạch đã đề ra trong giai đoạn 2021-2026, cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp trên tất cả các mặt hoạt động như công tác tổ chức, quản lý, công tác nhân sự, đào tạo đại học, đào tạo sau đại học, nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất, tài chính, thi đua khen thưởng và các công tác khác. Đặc biệt, cần có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, toàn Khoa phải đoàn kết, thống nhất cao, phát huy trí tuệ của cả tập thể, thực hiện tốt các chủ trương của Đảng ủy, BGĐ Học viện, sự lãnh đạo của Cấp ủy và sự chỉ đạo của Trưởng Khoa. Trong quá trình thực hiện chiến lược cần có sự điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với hoàn cảnh mới.

* 1. **. Công tác tổ chức, quản lý, nhân sự**

Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý, lựa chọn đội ngũ cán bộ quản lý cấp Khoa và Bộ môn có phẩm chất chính trị tốt, vững mạnh về năng lực chuyên môn, kinh nghiệm để đảm đương công tác quản lý trong nhiệm kỳ.

Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của các đảng viên.

Phát huy vai trò của công đoàn Khoa, của các bộ môn trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của Khoa giao.

Gắn trách nhiệm cụ thể đến từng cán bộ, giảng viên; khuyến khích cán bộ, giảng viên trong Khoa phát huy tinh thần tự chủ, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm.

* 1. **Công tác đào tạo**

***3.2.1. Giải pháp chung***

Hoàn thiện và nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo đại học và sau đại học theo tiêu chuẩn quốc gia và khu vực; Duy trì và mở rộng đào tạo trong và ngoài Học viện ở cả cấp đại học và sau đại học.

***3.2.2. Giải pháp cụ thể***

- Thực hiện có hiệu quả công tác quảng bá tuyển sinh, tuyển sinh nhằm đảm bảo tuyển sinh đủ chỉ tiêu qua các năm

- Khích lệ các thành viên trong Khoa sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, liên tục xây dựng, cập nhật bài giảng, giáo trình phong phú, sử dụng phương pháp đánh giá người học phù hợp góp phần đảm bảo chất lượng giảng dạy và công bằng trong đánh giá kết quả học tập.

- Thường xuyên trao đổi kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy và trình độ chuyên môn giữa các thành viên trong Khoa, đơn vị trong Học viện

- Thực hiện gắn kết với các tổ chức bên ngoài, đặc biệt là các doanh nghiệp nhằm đổi mới đào tạo theo hướng ứng dụng - tăng cường thực hành và gắn với thực tế. Kết nối thị trường, giới thiệu các cơ hội việc làm, tăng cường liên kết với các doanh nghiệp, các tổ chức cung cấp chương trình thực tập sinh cho sinh viên tốt nghiệp.

- Xây dựng các khoá học ngắn hạn, các lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ giúp sinh viên nâng cao kỹ năng, thích ứng với xã hội và nhà tuyển dụng.

- Quản lý, giám sát nhằm nâng cao chất lượng thực tập của các sinh viên thực tập tốt nghiệp, thực tập giáo trình

- Tổ chức các buổi tọa đàm chuyên đề nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào đào tạo vào bài giảng, lớp học

- Thực hiện tổng thể các giải pháp để nâng cao rõ rệt chất lượng đào tạo của các bậc học thông qua việc áp dụng các yếu tố tích cực của phương thức đào tạo tín chỉ và thực hiện thành công các chương trình đào tạo tiên tiến, chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế.

* 1. **Công tác nghiên cứu khoa học**

***3.3.1. Giải pháp chung***

Thúc đẩy, khuyến khích, thưởng phạt đối với từng cá nhân, bộ môn trong việc tìm kiếm, khai thác, phối hợp, đấu thầu đề tài khoa học ở trong và ngoài nước. Trước hết lấy mục tiêu nghiên cứu khoa học phục vụ trực tiếp cho đào tạo người học và nâng cao năng lực của cán bộ giảng dạy của khoa; Phối hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu với giảng dạy, tiếp đến là cung cấp dịch vụ nghiên cứu đáp ứng với nhu cầu thực tiễn của các tổ chức, tạo ra uy tín cao đối với xã hội.

***3.3.2. Giải pháp cụ thể***

- Hoạt động KHCN của Khoa tập trung vào các định hướng sau:

+ Nghiên cứu thể chế, chính sách và kinh doanh các yếu tố đầu vào trong nông nghiệp (Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thức ăn gia súc, giống,…) theo hướng xanh và bền vững; phân tích cung - cầu, dự báo và phát triển thị trường kinh doanh đầu vào trong nông nghiệp; nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh doanh đầu vào trong nông nghiệp; quản trị rủi ro kinh doanh đầu vào trong nông nghiệp; nghiên cứu hiệu quả sử dụng các yếu tố đâu vào trong nông nghiệp; hoàn thiện thể chế, chính sách về doanh các yếu tố đầu vào trong nông nghiệp; đánh giá tác động của chính sách liên quan đến các yếu tố đầu vào trong nông nghiệp.

+ Nghiên cứu tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp bền vững, nâng cao năng lực quản trị và ứng phó với rủi ro cho hộ, trang trại, HTX, doanh nghiệp nông nghiệp; nghiên cứu đổi mới tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng áp dụng các tiến bộ KHKT, quy hoạch vùng sản xuất tập trung, xây dựng thương hiệu hàng hóa, nâng cao sản lượng, chất lượng, giá trị nông sản; nghiên cứu các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp, đặc biệt đầu tư phát triển nông nghiệp số và các ngành phi nông nghiệp có hiệu quả kinh tế môi trường cao tại vùng nông thôn.

+ Nghiên cứu phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, kết nối với hệ thống tiêu thụ toàn cầu; liên kết gắn các hộ sản xuất trong vùng với các doanh nghiệp theo chuỗi sản phẩm nông - công nghiệp với các mô hình liên kết đầu tư sản xuất - thu mua - chế biến - tiêu thụ thực hiện phương châm cùng chia sẻ trách nhiệm, rủi ro và lợi ích; các hình thức sản xuất theo hợp đồng đối với các hộ nông dân với các doanh nghiệp. Đẩy mạnh đổi mới và phát triển các HTX nông nghiệp, phát triển trang trại theo hướng chú trọng hơn tới việc tổ chức nông dân sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao. Khuyến khích hỗ trợ và tạo điều kiện phát triển kinh tế hợp tác trên cơ sở liên kết, liên minh giữa các hộ, các trang trại bằng nhiều hình thức, nhiều cấp độ để nâng cao hiệu quả kinh tế. Đổi mới và phát triển hệ thống quản lý và hệ thống tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp; tăng cường sự liên kết, tham gia của các tổ chức xã hội.

+ Nghiên cứu phát triển kinh doanh nông nghiệp và thực phẩm như vấn đề khởi nghiệp kinh doanh nông nghiệp, thực phẩm; quản trị kinh doanh nông nghiệp, thực phẩm; quản lý chuỗi cung ứng nông sản vả dịch vụ logistic; quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm; quản trị rủi ro và bảo hiểm cây trồng, vật nuôi; phân tích môi trường kinh doanh, dự báo thị trường và xây dựng chiến lược kinh doanh nông nghiệp, thực phẩm; xây dựng thương hiệu nông sản, thực phẩm và phát triển thị trường sản phẩm mới; Hoàn thiện thể chế, chính sách về kinh doanh nông nghiệp, thực phẩm.

+ Nghiên cứu các vấn đề thương mại các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm; phân tích hoạt động kinh doanh và thương mại của các ngành, địa phương và doanh nghiệp; đề xuất các chính sách phù hợp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy hoạt động kinh doanh và thương mại hiệu quả và bền vững.

+ Nghiên cứu giải pháp đào tạo nghề, nâng cao năng lực cho các đối tượng ở khu vực nông thôn như hộ nông dân, trang trại, HTX... đặc biệt là năng lực tiếp cận thị trường.

+ Nghiên cứu giải pháp phát triển làng nghề, phát triển sản phẩm OCOP, nâng hạng các sản phẩm OCOP ở khu vực nông thôn gắn với phát triển du lịch nông thôn.

+ Nghiên cứu chính sách hội nhập kinh tế quốc tế và tác động đến tăng trưởng nông nghiệp, ngành hàng, chuỗi và các tác nhân tham gia các chuỗi sản giá trị nông sản.

+ Nghiên cứu chính sách phát triển xã hội, môi trường nông thôn: đô thị hóa nông thôn, gắn với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, dịch bệnh và các chính sách phát triển xanh, bảo tồn văn hóa truyền thống, và phát triển cộng đồng văn minh.

+ Nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán tại các đơn vị kinh tế của Việt Nam, nâng cao khả năng hội tụ với kế toán quốc tế của Việt Nam.

- Thúc đẩy, khuyến khích, thưởng phạt đối với từng bộ môn và cá nhân về hoạt động NCKH.

- Tìm kiếm, khai thác, phối hợp, đấu thầu đề tài NCKH trong và ngoài nước.

- Xác định mục tiêu NCKH phục vụ trực tiếp cho đào tạo người học và nâng cao năng lực của cán bộ giảng dạy của Khoa; phối hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu với giảng dạy, tiếp đến là cung cấp dịch vụ nghiên cứu đáp ứng với nhu cầu thực tiễn của các tổ chức, tạo ra uy tín cao đối với xã hội.

- Từng bước nâng cao chất lượng NCKH bằng cách tăng cường các công trình khoa học (bài báo, sách, chương sách, v.v…) xuất bản trên các tạp chí quốc tế, đặc biệt là các tạp chí thuộc hệ thống ISI, Scopus và các Nhà xuất bản uy tín trên thế giới (Elsevier, Wiley & Sons, Taylor & Francis,…).

- Tiếp tục duy trì các seminar khoa học định kỳ của Khoa.

- Khuyến khích giảng viên và sinh viên trong khoa trình bày báo cáo tại các hội thảo trong nước và quốc tế.

- Đổi mới hoạt động của các nhóm NCM theo hướng tăng cường liên kết, thiết thực và hiệu quả.

* 1. **Công tác hợp tác trong và ngoài nước**

***3.4.1. Giải pháp chung***

Tăng cường hợp tác và liên kết với các tổ chức trong và ngoài nước trong các các chương trình, dự án hợp tác về đào tạo, NCKH và công bố trong nước và quốc tế; Đẩy mạnh thực hiện các chương trình trao đổi sinh viên với các đối tác nước ngoài.

***3.4.2. Giải pháp cụ thể***

- Tăng cường liên kết với địa phương, doanh nghiệp trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và tư vấn chính sách.

- Bên cạnh hợp tác và liên kết đào tạo trong các chương trình truyền thống, tập trung vào các chương trình đào tạo ngắn hạn và tập huấn:

+ Đào tạo, tập huấn ngắn hạn về thuế, kế toán và kiểm toán cho doanh nghiệp.

+ Đào tạo, tập huấn ngắn hạn về thị trường và kinh doanh cho doanh nghiệp.

+ Đào tạo ngắn hạn và tập huấn về quản trị nhân sự cho doanh nghiệp.

+ Đào tạo ngắn hạn và tập huấn về phân tích và phát triển chuỗi giá trị cho doanh nghiệp.

- Hợp tác và liên kết đào tạo với doanh nghiệp để thực hiện chủ trương học đi đôi với hành, lý thuyết gắn với thực tiễn, đồng thời thiết lập và xây dựng địa bàn thực tập giáo trình, thực tập tốt nghiệp cho sinh viên và tạo cơ hội, điều kiện cho sinh viên tìm kiếm việc làm sau tốt nghiệp.

- Hợp tác và liên kết với các đối tác nước ngoài trong đào tạo và nghiên cứu khoa học.

+ Xây dựng và thực hiện chương trình trao đổi sinh viên.

+ Thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học với các đối tác nước ngoài (xuất bản bài báo, sách, chương sách, thực hiện đề tài, dự án nghiên cứu).

- Tiếp tục ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác (MOU) với các đối tác trong và ngoài nước về đào tạo và khoa học công nghệ.

* 1. **Công tác phát triển CSVC và tài chính**

\* Về cơ sở vật chất

Tranh thủ sự đầu tư hỗ trợ từ Học viện qua các chương trình, dự án.

Sử dụng hợp lý và hiệu quả hệ thống cơ sở vật chất của Khoa, đặc biệt là cơ sở vật chất được Học viện trang bị.

Tranh thủ sự đóng góp của các cơ quan, các tổ chức và các cá nhân là cựu sinh viên, học viên của Khoa.

\* Về tài chính

Sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn lực tài chính của Khoa. Tăng cường tìm kiếm các nguồn kinh phí từ các cơ quan trung ương, địa phương, các tổ chức và doanh nghiệp trong các hoạt động đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm và dịch vụ đào tạo và KHCN nhằm thu hút thêm các nguồn kinh phí này nhằm góp phần vào tăng phúc lợi chung cho các cán bộ giảng viên trong Khoa.

Từng bước thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, giảng viên trong Khoa theo kết quả và hiệu quả công việc.

* 1. **Các công tác đoàn thể, quản lý sinh viên**

Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ giảng viên trong đơn vị.

Phân công công tác giáo viên chủ nhiệm cho 100% các lớp, để tăng cường công tác tư vấn, hỗ trợ sinh viên trong học tập và rèn luyện cho các em trong suốt quá trình học tập tại Học viện.

Phối hợp chặt chẽ giữa Chi ủy, Ban Chủ nhiệm Khoa, Công đoàn và Đoàn Thanh niên trong triển khai, thực hiện các công việc, nhiệm vụ được giao.

Xây dựng và phát triển các câu lạc bộ (văn nghệ, thể thao, ngoại ngữ, võ thuật,...) cho sinh viên để nâng cao kiến thức, hiểu biết xã hội nhằm thu hút sinh viên tích cực tham gia các phong trào, hoạt động tập thể của Học viện, Khoa & và Liên chi đoàn Khoa.

Tiếp tục duy trì hoạt động của các đội sinh viên tình nguyện.

* 1. **Các công tác khác**

Xây dựng môi trường công sở sạch sẽ, thân thiện, thực hiện tốt các quy định về văn hóa công sở tại đơn vị.

**TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**PGS.TS Đỗ Quang Giám**

1. Hợp tác với các địa phương và DN thể hiện qua số hợp đồng, thỏa thuận và số kinh phí do đơn vị chủ động liên kết [↑](#footnote-ref-1)